

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **77** /STC-TCHCSN

Bình Định, ngày **12** tháng **01** năm **2018**

V/v báo cáo tình hình thực hiện
tự chủ kinh phí năm 2017 theo
Nghị định số 130/2005/NĐ-CP;
Nghị định số 43/2006/NĐ-CP;
Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

Kính gửi: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh



Căn cứ chế độ báo cáo về kết quả thực hiện chế độ tự chủ được quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện chế độ tự chủ của các đơn vị hành chính, sự nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính đề nghị Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo số liệu tình hình thực hiện tự chủ kinh phí năm 2017 theo các biểu mẫu đính kèm:

- Mẫu số 07 kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; chi tiết số liệu theo Phụ lục số 01 (*áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP*);

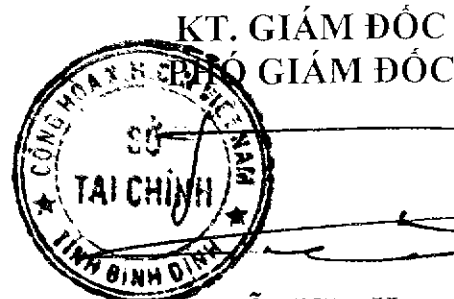
- Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính; chi tiết số liệu theo Phụ lục số 02 (*áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP*).

Các biểu mẫu và Phụ lục trên được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://stc.binhdinh.gov.vn>, đề nghị các Sở, ban, ngành khai thác để tổng hợp số liệu báo cáo theo đúng mẫu biểu và gửi về Sở Tài chính trước ngày **31/01/2018**; đồng thời gửi vào hộp thư điện tử: thuydt@stc.binhdinh.gov.vn.

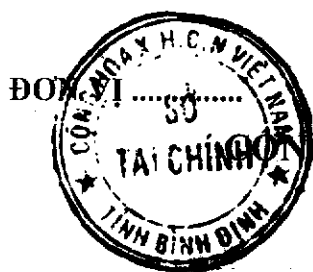
Sở Tài chính đề nghị Quý Sở, ban, ngành phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Lưu: VT, THTK, TCHCSN.



Nguyễn Văn Hung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ
ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ**

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:
- + Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh:
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

- * Kinh phí thực hiện tự chủ:..... đồng
- Số kinh phí thực hiện:..... đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng
- + Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)
- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

- + Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).
- + Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...
- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí:.....đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%
- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất:.....%
- * Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng
- * Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:
 - Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.
 - Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.
- * Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần..... đơn vị
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là đ/tháng (tên đơn vị);
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là đ/tháng (tên đơn vị).
- Trích Quỹ và các khoản chi khác:
 - + Quỹ dự phòng ổn định thu nhập
 - + Chi khen thưởng
 - + Chi phúc lợi
 - + Các khoản chi khác

(Chi tiết số liệu theo Phụ lục đính kèm)

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... , ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ,
TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ**

I. Về tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ:

1. Công tác phổ biến, tập huấn nội dung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và các văn bản liên quan; nội dung và kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó: số đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo; Y tế; Văn hóa Thông tin, Thể dục thể thao; Sự nghiệp khác.

b) Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP:

- Phân loại: (1) Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động; (2) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; (3) Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

- Kinh phí: (1) Kinh phí tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động); (2) Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động và đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động).

(Chi tiết theo biểu kèm theo)

3. Tình hình xây dựng và thực hiện các tiêu chí đánh giá và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

4. Tình hình phân cấp về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

5. Tình hình ban hành các tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý.

II. Kết quả thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị sự nghiệp:

- Số các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ/Tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ (đạt tỷ lệ %);

- Các giải pháp thực hiện quy chế chỉ tiêu nội bộ

2. Tình hình huy động vốn:

- Số đơn vị có huy động vốn để sử dụng hoạt động dịch vụ đơn vị/ so với tổng số đơn vị được giao tự chủ;

+ Số vốn huy động được... triệu đồng (trong đó: huy động của cán bộ công nhân viên.... triệu đồng), vay vốn của các tổ chức tín dụng.... triệu đồng).

+ Đơn vị có số vốn huy động cao nhất triệu đồng, mục đích huy động (tên đơn vị);

+ Đơn vị có vốn huy động thấp nhất ... triệu đồng (tên đơn vị).

- Các giải pháp huy động vốn.

3. Tình hình thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Số đơn vị tiết kiệm/ so với tổng số đơn vị giao tự chủ (đạt tỷ lệ .. %)

+ Số kinh phí tiết kiệm được..... triệu đồng; tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với dự toán được giao ... %.

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm thấp nhất.... triệu đồng (tên đơn vị)

- Số tăng thu triệu đồng, so với năm trước tăng ... triệu đồng (tăng %)

+ Đơn vị có số tăng thu cao nhất triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số thu thấp nhất triệu đồng (tên đơn vị)

- Các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi.

4. Tình hình bố trí, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế

5. Tình hình thu nhập tăng thêm người lao động:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 đến 2 lần:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 đến 3 lần:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên :

Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất làđ/tháng (tên đơn vị)

Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là . . . đ/tháng (tên đơn vị)

(Chi tiết số liệu theo Phụ lục đính kèm)

6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

Ngày . . . tháng . . . năm. .
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ NĂM 2017 THEO NGHỊ ĐỊNH 130/2006/ND-CP
(Kèm theo Quyết định số 77 /STC-TCHCSN ngày 12/01/2018 của Sở Tài chính Bình Định)

Kính phí được giao (đồng)																													Phần phối sử dụng thu nhập tăng thêm				Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (3)										
TT	Đơn vị	Số lượng, chế đơn vị được giao	Biên chế mặt được giao	Hạng lương xếp	Nguyên nhân khác	Tổng số dự toán được giao cả năm (1)	Tổng số khấu trừ không cấp cho đơn vị	Tổng số dự toán giao còn lại cấp cho đơn vị	Không tự chủ (2)	Tự chủ	Trong đó				Chi tăng thu nhập cho CBCC	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất (Đ/hs)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất (Đ/hs)	Trích các quỹ	Dưới 0,1 lần	Từ 0,10 đến 0,20 lần	Từ 0,20 đến 0,30 lần	Từ 0,30 đến 0,40 lần	Từ 0,40 đến 0,50 lần	Từ 0,50 đến 1 lần	Tổng quỹ tiền lương theo quy định (đồng)																		
											Kính phí thực hiện	Kính phí tiết kiệm được	Kính phí còn lại tại KBNN	Tỷ lệ % TK năm so với DT tự chủ																													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-10-11	13	14	15	16=19-22	17	18=(16/17)*100	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29															
TỔNG SỐ																																											
1 Số Y tế																																											
2 Số Công thương																																											
3 Số Nông nghiệp và PTNT																																											

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả số dư trước chuyển sang
- (2) Bao gồm cả 10% kinh phí Tiết kiệm để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương và kinh phí cải cách tiền lương được bổ sung trong năm
- (3) Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân = Chi tăng thu nhập cho CBCC/Tổng quỹ tiền lương theo quy định

BẢO CÁO KẾT QUẢ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG CÔNG TRÌNH CỐ CHẾ TỰ CHỦ NĂM 2017 THEO NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 141/2016/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số **77** /STC-TCHC/SN ngày **12** /01/2018 của Sở Tài chính Bình Định)

[illegible]

